



### **CTCP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa – BCC**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, KP3, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Số điện thoại: 0251 3 859 358 - Số fax: 0251 3 859 917

Website: [www.bbcc.com.vn](http://www.bbcc.com.vn)

Email: [congybbcc@gmail.com](mailto:congybbcc@gmail.com)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT  
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA



# MỤC LỤC

**01**

**02**

**03**

## **GỚI THIỆU CHUNG**

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội



# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Thù lao và các giao dịch

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến Kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán



# 01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



## 01. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty:</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA</b>
<b>Tên giao dịch:</b>	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa
<b>Tên tiếng anh:</b>	Bien Hoa Building Materials Production and Construction Joint Stock Company
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số:</b>	3600275107 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 31/10/2015
<b>Vốn điều lệ:</b>	450.000.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	450.000.000.000 đồng
<b>Địa chỉ:</b>	K4/79C Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
<b>Số điện thoại:</b>	0251.3859358 – 0251.3859917
<b>Số fax:</b>	0251.3859917
<b>Website:</b>	www.bbcc.com.vn
<b>Email:</b>	congybbcc@gmail.com
<b>Mã cổ phiếu:</b>	VLB

Logo



## 02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

3/12/1983, Xí nghiệp khai thác Đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND Thành phố Biên Hòa.

12/3/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

19/12/1996, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1983

1991

1996

1988

1992

1997

1/4/1988, Xí nghiệp Sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 xí nghiệp; Xí nghiệp khai thác đất, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988.

19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

13/9/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

29/6/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ-UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/7/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

7/7/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

1998

2004

2005

2003

2005

2006

1/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác – Chế biến đá Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT 26/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.

5/5/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

29/6/2006, sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.



2015

1/11/2015, Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa.



19/2/2016, Công ty được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.

17/6/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.

22/9/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán VLB.

2016

**NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC**

- Huân chương Lao động (1988, 1991, 1996);
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động (2000);
- Huân chương Độc lập (2012);
- Giải Bạc “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” hai năm 1997 và năm 1998;
- Giải Vàng “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1999;
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000, 2002, 2003, 2004; Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016; Năm 2017 tiếp tục đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu Cụm I – Tổng Công ty.
- Nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Tài Chính, Tổng Cục thuế, Bộ Công thương, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, UBND tỉnh Đồng Nai,... trao tặng.

**CÁC CẤP NGÀNH KHEN THƯỞNG**

STT	Cấp ngành khen thưởng	Nội dung	Số quyết định
1	UBND tỉnh Đồng Nai	Tặng bằng khen Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016.	Số 2170/QĐ-UBND ngày 27/6/2017
2	UBND tỉnh Đồng Nai	Tặng cờ thi đua xuất sắc cho Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2016.	Số 1791/QĐ-UBND ngày 30/5/2017

### 03. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

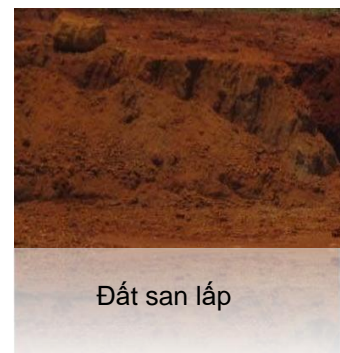
#### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông;
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp;
- Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới;
- Sản xuất bê tông nhựa nóng;

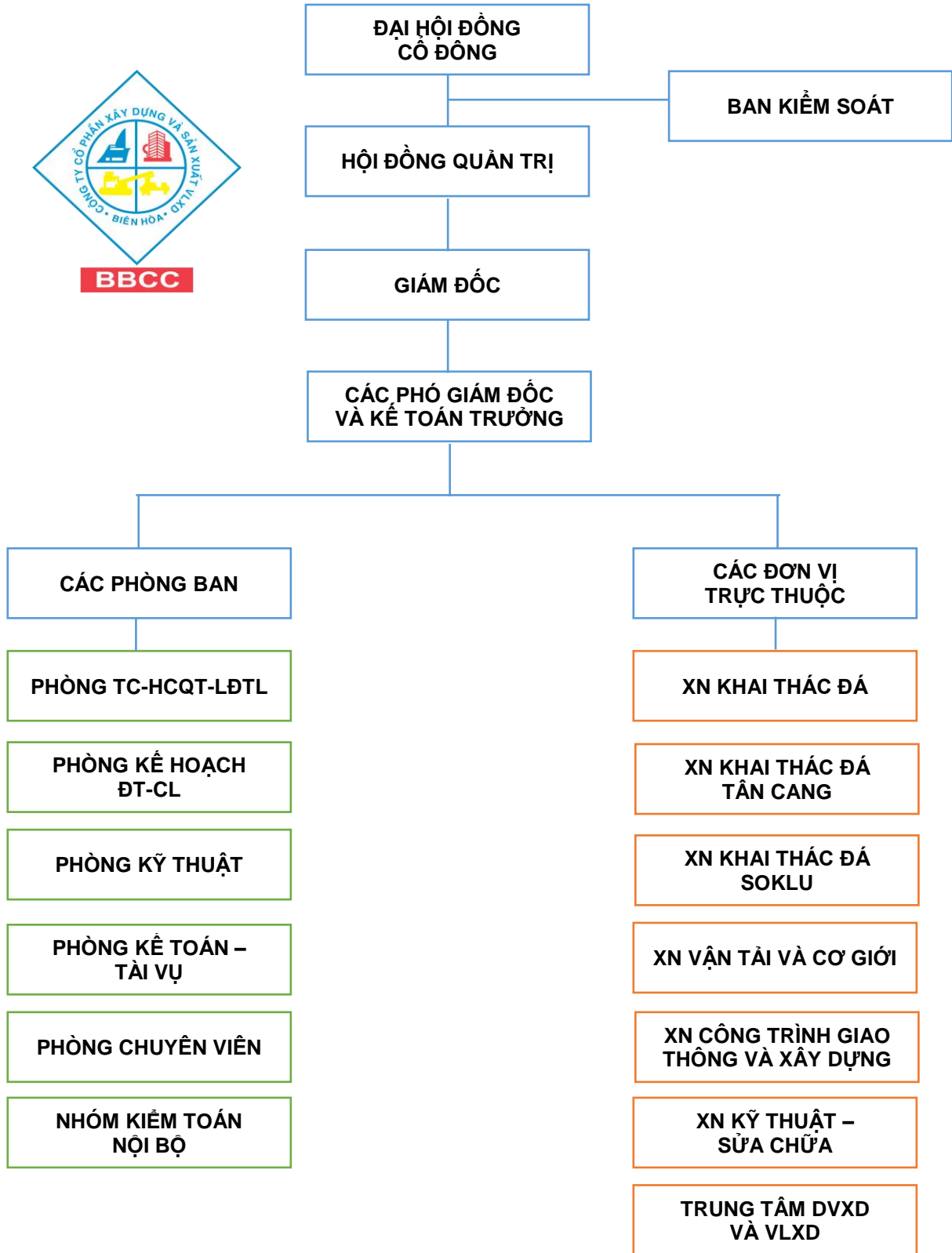
#### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC cung cấp cho toàn bộ khu vực phía Nam: từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau và thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Thuận, TP.Hồ Chí Minh và hầu hết các tỉnh Miền Tây Nam bộ,...

#### SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



04. CƠ CẤU TỔ CHỨC



## 05. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

**Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- BBCC luôn hướng đến việc tối đa các giá trị kinh doanh cốt lõi, đẩy mạnh hoạt động sản xuất lẫn chất lượng thành phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm uy tín, phù hợp với xu hướng thị trường.
- Tạo ra nền tảng kinh doanh vững chắc, đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận hàng năm; nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng tỷ suất sinh lợi phần góp vốn của các cổ đông Công ty.
- Trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại; nâng cao uy tín, vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường của Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc.

**Đối với nguồn nhân sự**

Công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng nhất quyết định mọi thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Vì vậy:

- Công ty luôn quan tâm rà soát hiện trạng lao động để có kế hoạch bố trí, sử dụng theo hướng ngày càng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả; luôn quan tâm cải thiện thu nhập, chất lượng cuộc sống và các chế độ khen thưởng, phúc lợi, nghỉ mát hàng năm, nghỉ ngơi tái tạo sức lao động v.v... Qua đó tăng cường gắn kết người lao động với Công ty, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ tại doanh nghiệp.
- Luôn tạo sự gắn kết giữa các đơn vị, bộ phận, khuyến khích các phong trào thi đua lao động sáng tạo, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp làm việc, cải tiến chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, góp phần hạ giá thành sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm của Công ty. Quan tâm thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch đào tạo ngắn hạn, dài hạn để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, nhất là trong xu hướng hội nhập mạnh mẽ hiện nay.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động, hạn chế tối đa những yếu tố rủi ro, các nguy cơ gây mất an toàn lao động, các yếu tố gây bệnh nghề nghiệp; thực hiện tốt công tác cải thiện môi trường làm việc, gắn với công tác khám sức khỏe định kỳ đầy đủ, kịp thời nhằm quản lý cũng như thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe người lao động toàn Công ty.



#### Đối với môi trường và xã hội:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về giám sát môi trường định kỳ; thực hiện việc xử lý chất thải theo quy định, xử lý bụi khuếch tán, tiếng ồn, chấn động, đá văng,... bằng cách lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi, trồng cây xanh các khu vực khai thác, sản xuất, áp dụng các kỹ thuật nổ mìn hiện đại...
- Sửa chữa, nâng cấp bê tông hóa các đường nội bộ, bển thủy nội địa, các đoạn đầu nối ra đường tỉnh lộ, đường liên xã, lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe tại các mỏ đá, bển thủy trực thuộc v.v.. để tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà Nước.
- Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

#### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát huy thế mạnh mạnh khai thác và chế biến đá xây dựng các loại.
- Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát và thăm dò các mỏ đá trên địa bàn, đồng thời, tối ưu chất lượng khai thác các mỏ hiện có bằng công nghệ, máy móc hiện đại và nguồn nhân lực được đào tạo chuyên môn.
- Mở rộng phạm vi hoạt động cũng như tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực và tiềm lực để hỗ trợ khâu hoạt động cũng như tạo các hợp đồng, dự án cho Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, phát triển thương hiệu Công ty.

## 06. CÁC RỦI RO

### RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các doanh nghiệp hoạt động trong một nền kinh tế chung sẽ không thể tránh khỏi các tác động từ rủi ro kinh tế. Đối với Việt Nam hiện nay, xu hướng hội nhập và tăng trưởng các mảng nông nghiệp, công nghiệp cũng như dịch vụ đang phát triển rất nhanh, đồng thời nguồn FDI vào Việt Nam ngày càng nhiều sẽ đòi hỏi một cơ sở hạ tầng phù hợp để đáp ứng, đây chính là những cơ hội tốt cho các doanh nghiệp mảng vật liệu và xây lắp hạ tầng nói riêng và cơ hội cho kinh tế Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, đứng trước các rủi ro về nợ công tăng nhanh, nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng gặp nhiều khó khăn, phát triển nóng của bất động sản, lạm phát,... đặc biệt là biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng lớn do đặc thù ngành xây dựng và vật liệu xây dựng thường phát sinh nhu cầu vốn luân chuyển ban đầu cũng như tín dụng ngắn hạn cao nên việc sử dụng tối ưu nguồn vốn vay vẫn còn hạn chế.

#### → Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê thì tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%, quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay đã vượt mục tiêu đề ra 6,7% và là mức tăng trưởng cao nhất từ 2011 đến nay. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế lẫn chính trị, Chính phủ Việt Nam đã nhanh chóng thích nghi với các biến động, kịp thời đưa ra các giải pháp và nỗ lực chỉ đạo thực hiện để có thể đạt được mức tăng trưởng trên là một kết quả đáng ghi nhận, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp về kinh tế mà Chính phủ đã ban hành và áp dụng trong năm. Riêng khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến và chế tạo tăng trưởng vượt trội đến 14,4% (cao nhất trong 7 năm gần đây), ngược lại, ngành khai khoáng giảm sâu 7,1% do sản lượng khai thác dầu thô và khai thác than giảm, tuy nhiên với đà tăng trưởng kinh tế hiện tại, Chính Phủ kỳ vọng ngành khai thác sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2018. Riêng ngành xây dựng tăng trưởng khoảng 8,7% hiện cũng là một mức tăng khá ổn định, đặc biệt đến từ việc triển khai các dự án đầu tư BOT và xây dựng cơ bản Nhà Nước đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các công ty trong ngành, trong đó có BCC.





→ **Lãi suất**

Mức lãi suất áp dụng của các ngân hàng ở Việt Nam được quản lý và kiểm soát khá tốt nên sẽ không biến động quá nhiều đến kế hoạch trả lãi, trả nợ của các công ty. Tuy nhiên, hiện nay các Ngân hàng Việt Nam đang phải tuân thủ các quy chế cho vay nghiêm ngặt theo luật định và quy định chung của Nhà Nước nên việc vay nợ và trả nợ, trả lãi đúng hạn đồng thời phải tuân thủ các quy tắc cho vay của ngân hàng sẽ thể hiện được khả năng tài chính và uy tín của Công ty.

→ **Lạm phát**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2017 tăng 2,67% so với tháng 12/2016 và tổng CPI bình quân cả năm tăng khoảng 3,53%, đã đạt được dưới mức 4% mà Nhà Nước đặt ra cho năm nay.

Với chính sách tiền tệ linh hoạt như hiện tại, Nhà Nước đang cho thấy hiệu quả trong việc điều hành và kiểm soát lạm phát. Đây cũng chính là yếu tố tích cực tác động đến các hoạt động kinh doanh và sản xuất trong nước giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và làm tăng nhu cầu về một cơ sở hạ tầng hoàn thiện.



## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

### → Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Các sản phẩm khoáng sản bao gồm đá xây dựng do Công ty trực tiếp khai thác chịu tác động từ chính sách quản lý khai thác khoáng sản và môi trường của Chính Phủ, đặc biệt các loại thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường luôn theo chiều hướng tăng đã tạo áp lực cho ban lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng chính sách khai thác phù hợp, hiệu quả.

Các sản phẩm vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới ... đều là những sản phẩm có nguồn nguyên liệu đầu vào chịu tác động từ biến động giá chung, điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến việc quản lý hiệu quả hàng tồn kho cũng như Công ty sẽ phải chịu chi phí theo dõi biến động giá cả các nguồn nguyên liệu đầu vào để có thể sản xuất và kinh doanh tối ưu trước tình hình biến động giá cả chung.

Thêm vào đó, mảng kinh doanh vận tải hàng hóa chịu tác động từ giá dầu, điện, xăng ... chiếm khoảng 9% tổng chi phí. Giá dầu trong nước thường biến động mạnh bởi giá dầu thế giới nên rủi ro từ nguyên liệu này là không thể tránh khỏi.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất thì việc chú ý đến biến động nguồn nguyên liệu đầu vào là rất quan trọng để có thể duy trì các kế hoạch sản xuất và hạn chế ảnh hưởng đến giá vốn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### → Rủi ro về môi trường

Ngoài việc thực hiện theo quy định của luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động khai thác, sử dụng và quy hoạch dự án của Công ty phải đảm bảo những tiêu chuẩn theo Luật này. Vấn đề quan trọng hiện nay là đảm bảo việc khai thác hiệu quả và tối ưu các nguồn khoáng sản do đá xây dựng là loại tài nguyên không tái tạo và trữ lượng giới hạn, các mỏ đá đều lộ thiên chịu ảnh hưởng từ thời tiết, đồng thời việc khai thác quy mô lớn cần sử dụng các phương tiện và máy móc có thể ảnh hưởng môi trường tự nhiên và sức khỏe người lao động và cộng đồng xung quanh nên các quy định đề ra với các công ty khai thác khoáng sản là vô cùng nghiêm ngặt.

Ngoài ra, do đặc thù ngành trước khi khai thác khoáng sản cần phải thực hiện khảo sát, thăm dò trữ lượng và chất lượng của mỏ tốn thời gian từ 2 – 3 năm, chi phí chìm rất cao nhưng nếu kết quả mỏ không đạt yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động của Công ty và cả môi trường khu vực. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thiện quy trình khai thác và tuân thủ tốt các quy tắc để có thể mang lại hình ảnh đẹp và uy tín trên thị trường.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Các Công ty như BBCC khi được niêm yết và hoạt động hợp pháp trên thị trường chứng khoán cần tuân thủ các Luật, quy định, thông tư hướng dẫn có liên quan, nhất là khi theo tiến trình hội nhập sau cổ phần hóa sẽ phải có kế hoạch tiếp tục niêm yết trên các sàn chính thức.

Ngoài ra, đối với đặc thù ngành xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản sẽ có các luật chuyên ngành và các ràng buộc liên quan đều sẽ tác động trực tiếp đến các hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Đặc biệt khi Chính phủ hạn chế quy mô hoạt động khai thác khoáng sản thông qua chính sách nộp tiền cấp quyền khai thác và thuế tài nguyên đã khiến giá thành sản phẩm đá xây dựng các loại tăng thêm và Công ty phải điều chỉnh giảm công suất giấy phép tại các mỏ đá.

Theo tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam tham gia các Hiệp định tự do thương mại FTA cũng sẽ ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Công ty, đầu tiên là việc phải tuân theo các Hiệp định, Hiệp ước quốc tế mà Việt Nam ký kết; phải đối mặt với cạnh tranh với các nước ngoài, nhất là khi mức thuế quan được thỏa thuận giảm về 0%; tuy nhiên, đây cũng chính là cơ hội để Công ty có thể tiếp cận một thị trường mới tiềm năng. Do đó, BBCC luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên những văn bản pháp luật mới và sửa đổi để có thể kịp thời và linh hoạt trong việc thay đổi cơ chế quản lý cũng như kinh doanh cho phù hợp và tối ưu, tránh vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến uy tín và tài chính của Công ty.



### RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ,... Để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, Công ty luôn đặt tiêu chuẩn an toàn lao động lên hàng đầu trong các nhà xưởng, công trường, bến thủy nội địa... và định kỳ tổ chức các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ, nâng cao kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản.

## 02

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động SXKD
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững



## 01. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	2016*	2016**	KH 2017	2017	TH2017/ 2016**	TH/KH 2017
<b>Doanh thu thuần</b>	1.215.310	1.029.269	867.000	986.108	95,80%	113,74%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	229.936	190.670	112.500	186.071	97,59%	165,40%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	183.845	153.227	90.000	149.015	97,25%	165,57%

## CƠ CẤU DOANH THU (ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2016*		Năm 2016**		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Đất, đá</b>	941.139	77,43%	799.493	77,67%	726.929	73,72%
<b>Xây dựng</b>	-	-	-	-	4.980	0,51%
<b>Bán hàng hóa</b>	223.597	18,40%	187.926	18,26%	205.689	20,86%
<b>Doanh thu khác</b>	50.641	4,17%	41.914	4,07%	48.516	4,92%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.215.377</b>	<b>100%</b>	<b>1.029.333</b>	<b>100%</b>	<b>986.114</b>	<b>100%</b>

## CƠ CẤU CHI PHÍ (ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2016*		Năm 2016**		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Giá vốn hàng bán</b>	906.601	90,86%	771.420	90,73%	734.797	89,98%
<b>Chi phí tài chính</b>	699	0,07%	292	0,03%	136	0,02%
<b>Chi phí bán hàng</b>	23.525	2,36%	20.613	2,42%	24.057	2,95%
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	66.354	6,65%	57.400	6,75%	55.742	6,83%
<b>Chi phí khác</b>	602	0,06%	519	0,07%	1.826	0,22%
<b>Tổng cộng</b>	<b>997.781</b>	<b>100%</b>	<b>850.244</b>	<b>100%</b>	<b>816.558</b>	<b>100%</b>

\*Số liệu kế toán được tính từ ngày 1/1/2015 đến 31/12/2016

\*\* Số liệu kế toán được tính từ ngày 1/1/2016 đến 31/12/2016

Tổng kết năm 2017, dù gặp phải nhiều trở ngại trong hoạt động kinh doanh nhưng VLB đã hoàn thành tốt kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu thuần đạt 113,74% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế đạt 165,4% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế 165,57% kế hoạch năm. Điều này thể hiện Công ty đã dự đoán được các giá trị hoạt động năm 2017 và đưa ra chiến lược kinh doanh đúng đắn.

Bên cạnh đó, so với năm 2016\*\*, doanh thu thuần năm 2017 giảm từ 1.029 tỷ đồng xuống còn 986 tỷ đồng, tương đương giảm 4,20%. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế cũng giảm nhẹ, trong đó, lợi nhuận trước thuế từ 190,67 tỷ đồng giảm còn 186 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế từ 153 tỷ đồng còn lại 149 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chi phí vận chuyển tăng lên theo quy định về kiểm soát trọng tải xe của Nhà Nước và giá xăng dầu biến động khó lường. Ngoài ra, số lượng đơn đặt hàng trong năm của Công ty cũng giảm do cạnh tranh đã kéo theo doanh thu bán hàng giảm.

Cơ cấu doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán đất, đá, doanh thu xây dựng, doanh thu bán hàng hóa và doanh thu khác. Trong năm 2017, cơ cấu doanh thu của BBCC không thay đổi quá nhiều, mảng bán đất, đá vẫn là mảng mang lại doanh thu lớn nhất, đạt được 727 tỷ đồng. Tuy nhiên, so với năm 2016\*\* đã giảm 9,08% do nhiều công trình trọng điểm cấp quốc gia tại khu vực miền Đông và Tây Nam bộ như: đường cao tốc Dầu Giây- Liên Khương, Dầu Giây- Phan Thiết, Trung Lương- Mỹ Thuận và Mỹ Thuận- Cần Thơ v.v.. chưa được triển khai hoặc đẩy mạnh thi công; trong khi các dự án cũ như: cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống ... đều sắp hoàn thành nên nhu cầu tiêu thụ đá giảm. Ngoài ra, doanh thu bán hàng hóa gồm bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới... đã tăng trưởng so với năm trước, từ 188 tỷ đồng tăng lên 206 tỷ đồng, chiếm khoảng 20,86% tỷ trọng doanh thu.

Do doanh thu giảm nhẹ đã kéo theo cơ cấu chi phí của BBCC năm 2017 cũng giảm tương ứng. Tổng chi phí trong năm là 817 tỷ đồng, giảm 3,96% so với năm 2016\*\*. Riêng giá vốn hàng bán trong năm giảm 4,75%, từ 771 tỷ đồng xuống còn 735 tỷ đồng. Ngoài ra, khoản chi phí quản lý doanh nghiệp là 55,7 tỷ đồng, giảm 2,89% do Công ty tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, vật liệu. Nhìn chung, cơ cấu chi phí năm 2017 của BBCC có giảm nhẹ tương ứng với mức giảm của doanh thu nên các kết quả lợi nhuận kinh doanh trong năm của Công ty không biến động quá nhiều so với năm trước.

## 02. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	10.083.800	22,41%
2	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	3.305.800	7,35%
3	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	5.700	0,01%
4	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	3.307.000	7,35%

## Những thay đổi Ban Giám đốc trong năm:

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức Phó Giám đốc từ 24/03/2017.
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Giám đốc từ 22/06/2017.
- Ông Hồ Ngọc Liệp – Phó Giám đốc nghỉ hưu từ 01/11/2017.



## SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC

Ông Huỳnh Kim Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
Năm sinh	15/02/1973
Nơi sinh	Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	6.800
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	10.077.000

Ông Hứa Hồ Đệp – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
Năm sinh	28/01/1960
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	5.800
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000

Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Giám đốc	
Năm sinh	31/07/1962
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí ô tô
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	5.700
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Phạm Quốc Thái – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	
Năm sinh	30/01/1969
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính doanh nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	7.000
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Giới tính</b>		
1	Nam	646	86,60
2	Nữ	100	13,4
<b>II</b>	<b>Trình độ</b>		
1	Đại học, Cao đẳng	159	21,31
2	Trung cấp	36	4,83
3	Lao động đã qua đào tạo	482	64,61
4	Lao động phổ thông	69	9,25
<b>III</b>	<b>Độ tuổi</b>		
1	Dưới 36 tuổi	151	20,24
2	Từ 36 đến 45 tuổi	313	41,96
3	Từ 46 đến 55 tuổi	249	33,38
4	Trên 55 tuổi	33	4,42
<b>Tổng cộng</b>		<b>746</b>	<b>100</b>

## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

## Chính sách lương - thưởng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
<b>Thu nhập bình quân</b>	Đồng/người/ tháng	11.500.000	11.800.000	11.860.000

Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng được Công ty thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà Nước trên cơ sở gắn tiền lương với năng suất, chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân và hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo bình đẳng, công khai, đúng người, đúng việc và khuyến khích người lao động phát huy trách nhiệm, tăng năng suất lao động, trả lương, thưởng thỏa đáng đối với người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đóng góp nhiều cho Công ty.

Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ tết, Công ty còn có những chính sách khen thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có đóng góp lớn hoặc đạt được những thành tích nổi bật trong công việc hay có ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả cao trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.



### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng phải phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đầy đủ các yêu cầu về trình độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình, v.v... phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ cao trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng.



Khi vừa được tuyển dụng, các nhân viên mới sẽ trải qua các khóa đào tạo nội bộ giúp nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm và quyền hạn được giao, cách thức vận hành máy móc thiết bị cũng như kỹ năng thực hiện công việc. Đối với những cán bộ nhân viên có năng lực và trình độ chuyên môn tốt sẽ được ưu tiên đào tạo chuyên sâu về năng lực quản lý, các kỹ năng quản trị hiện đại, kỹ năng chuyên môn, xử lý tình huống, v.v...

Hiện nay Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình huấn luyện nhằm tập trung đào tạo nguồn nhân lực sẵn có, bồi dưỡng kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với chiến lược phát triển qua từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

### Chính sách bảo hiểm và phúc lợi

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty áp dụng các chế độ khác như: tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật cho người làm công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm; khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa nữ, cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, ... Hằng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CB-CNV lao động đi tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể. Bên cạnh đó, các hoạt động đoàn thể, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, tạo tính gắn bó đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty.



## 03. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

STT	Khoản mục	Tháng hoàn thành	Tổng đầu tư
	<b>ĐÃ HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2017</b>		<b>15.295.553.495</b>
1	Xe ô tô xitéc phun nước hiệu HOWO 60C345.65 (SK: XSF4HW226948;SM: 170117007937)	T5/2017	1.192.195.636
2	Xe ô tô xitéc phun nước hiệu HOWO 60C348.51 (SK: XSF6HW226949;SM: 170117008047)	T5/2017	1.192.195.636
3	Phần mềm quản lý Fast Business online	T7/2017	415.800.000
4	Bờ kè sắt 20 mét và Móng bệ máy xay số 9-Tân Cang	T7/2017	432.702.302
5	Bàn cân xe tải 60 tấn, dài 8 mét (trạm cân NL Soklu 5)	T8/2017	254.894.369
6	Móng bàn cân nguyên liệu Soklu5 (dài 10M)	T8/2017	55.102.401
7	Container 20' VP trạm cân NL Soklu 5	T8/2017	55.750.000
8	Móng bàn cân nguyên liệu Soklu2 (dài 10M)	T8/2017	57.656.274
9	Container 20' VP trạm cân NL Soklu 2	T8/2017	55.750.000
10	Hàng rào gạch Block 195 mét-XN Công trình GT và XD	T8/2017	260.372.727
11	Máy xay số 9 Tân Cang	T9/2017	9.940.802.068
12	Máy rửa xe tự động CT Thạnh Phú (Đường ra TL768)	T9/2017	234.502.000
13	TBA 3P-1500kVA 22/0,4kV (số8-sd cho Máy xay số 5 Tân Cang)	T12/2017	1.147.830.082
	<b>ĐANG THỰC HIỆN</b>		<b>12.503.822.602</b>
14	Sửa chữa nâng cấp máy xay số 5, loại cố định từ cs 250 tấn/giờ ->350 tấn/giờ (5 Tân Cang)	T10/2017-T3/2018	11.962.886.355
15	Nâng cấp Bờ kè sắt 20 mét Máy xay số 5 Tân Cang	T10/2017-T2/2018	385.131.685
16	Nâng cấp Móng bệ máy xay số 5 Tân Cang	T10/2017-T2/2018	155.804.562

## 04. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016*	Năm 2016**	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	750.679	750.679	693.220	(7,65%)
Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.215.311	1.029.269	986.108	(4,19%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	227.729	188.561	184.418	(2,20%)
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	2.207	2.110	1.652	(21,71%)
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	229.936	190.670	186.071	(2,41%)
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	183.845	153.227	149.015	(2,75%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%				

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016**	Năm 2017
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,09	1,75
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,58
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	21,70	22,50
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,70	29,00
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,44	13,96
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,37	1,42
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,89	15,11
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	26,06	27,72
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	20,41	21,50
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	18,32	18,70

\*Số liệu kế toán được tính từ ngày 1/1/2015 đến 31/12/2016.

\*\* Số liệu kế toán được tính từ ngày 1/1/2016 đến 31/12/2016.

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn của Công ty đều giảm trong năm qua, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,09 lần năm 2016\*\* còn 1,75 lần 2017, tương tự hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,6 lần còn 1,58 lần. Cả hai hệ số này đều giảm do tình hình hoạt động của BBCC có những biến động như: nợ ngắn hạn giảm từ 163 tỷ đồng còn 156 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm từ 79 tỷ đồng xuống 26 tỷ đồng và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn dưới 3 tháng giảm khoảng 95 tỷ đồng. Tuy nhiên, hai hệ số vẫn cho thấy Công ty đảm bảo được việc thanh toán cho các khoản nợ vay.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu về Tổng nợ của BBCC chủ yếu hình thành từ nguồn nợ ngắn hạn, do không vay dài hạn và vay tài chính nên hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty khá ổn định và an toàn. Trong năm 2017, hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty đã tăng từ 21,70% lên 22,50% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng tương đương từ 27,70% lên 29,00% so với năm 2016\*\*. Nguyên nhân chủ yếu do biến động trong tổng tài sản và VCSH. Cụ thể, tổng tài sản giảm từ 751 tỷ đồng còn 693 tỷ đồng và VCSH giảm từ 588 tỷ đồng còn 538 tỷ đồng, trong khi tổng nợ của Công ty trong năm chỉ giảm khoảng 7 tỷ đồng do trả nợ vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam và một số nhà cung cấp khác.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng thường có tài sản khá cao, trong đó, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất thành phẩm. Trong năm 2017, Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 8,44 vòng lên 13,96 vòng do hàng tồn kho trong năm 2017 giảm mạnh, từ 79 tỷ đồng năm 2016\*\* xuống còn 26 tỷ đồng. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài tăng từ 1,37 vòng năm 2016\*\* lên 1,42 vòng năm 2017 do tỷ lệ giảm doanh thu thuần (4,19%) thấp hơn tỷ lệ giảm của tổng tài sản (7.66%).

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung trong năm 2017 hầu hết các chỉ số về khả năng sinh lời của BBCC đều biến động rất ít so với năm trước do kết quả kinh doanh trong năm được công ty duy trì ổn định và các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp ... được kiểm soát tốt. Các hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2017 vẫn đảm bảo giá trị sinh lời trung bình của ngành, 1 đồng vốn bỏ ra có thể thu về hơn 15 đồng. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần là 15,11%; Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 27,72%; Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản là 21,50% và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần là 18,70%.

05. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

**CỔ PHẦN**

- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 45.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
  - Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu
  - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 44.923.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 77.000 cổ phiếu



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 21/12/2017**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	723	45.000.000	100
	- Tổ Chức	4	42.221.600	93,83
	- Cá nhân	719	2.778.400	6,17
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>723</b>	<b>45.000.000</b>	<b>100%</b>

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
<b>Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai</b>	3600253505	833A Xa lộ Hà Nội, KP.1, P. Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.	31.677.000	70,39%
<b>Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</b>	0303898093	362/14 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.	10.451.000	23,22%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tại 21/12/2017: 77.000 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2017:

STT	Số lượng mua	Ngày hiệu lực chuyển quyền	Giá giao dịch bình quân	Đối tượng giao dịch
1	8.500	12/01/2017	17.100 VND	Mua lại CP ưu đãi của cán bộ công nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết.
2	32.300	10/08/2017	17.100 VND	
<b>Tổng</b>	40.800			

Các chứng khoán khác: Không



## 06. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng các vật liệu thiên nhiên để khai thác như đất, đá.... Việc khai thác quá mức các sản phẩm này có thể tác động mạnh đến môi trường. Cụ thể như việc khai thác đá gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chấn động, đá văng khi nổ mìn, ảnh hưởng đến đời sống sức khỏe của người dân vùng lân cận. Trong quá trình sản xuất, việc nghiền đá sẽ gây khói bụi, thải khí độc hại ra ngoài môi trường, gây ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động của địa bàn dân cư.

Để hạn chế những vấn đề trên, BBCC luôn tuân thủ quy trình khai thác theo đúng kỹ thuật, chấp hành các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản; công tác đầu tư, bảo vệ môi trường được Công ty thực hiện tốt; luôn là đơn vị đi đầu trong tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các quy định có liên quan của pháp luật.

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ tiến tiến áp dụng vào khai thác nhằm giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường và sức khỏe con người. Cụ thể, Trong năm qua, Công ty đã đầu tư số tiền là 12,6 tỷ đồng để mua xe ô tô xịt phun nước hiệu HOWO; thực hiện sửa chữa, nâng cấp, bê tông hóa các đường nội bộ, bến thủy nội địa, các đoạn đẩu nối ra đường tỉnh lộ, đường liên xã, lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe tại các mỏ đá, bến thủy trực thuộc v.v.. để tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của UBND tỉnh và phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Địa bàn khai thác của BBCC hiện nay gồm 3 khu vực chính là Xí nghiệp khai thác Đá, Xí nghiệp khai thác Đá Soklu và Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang.





❖ **Xí nghiệp khai thác Đá:**

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2 và các mỏ đá khác (nếu có) khoa học, chặt chẽ, an toàn, hiệu quả theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3966424;
- Fax: 0251.3966424
- Các mỏ đá:
  - o Công trường khai thác đá Thạnh Phú, điện thoại: 0251.3966424  
Địa chỉ: xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.  
Bến thủy nội địa Thạnh Phú, điện thoại: 0251.8615979
  - o Công trường khai thác đá Thiện Tân, điện thoại: 0251.3971877  
Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.  
Bến thủy nội địa Thiện Tân, điện thoại: 0251.3865802
- Sản phẩm đá; Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi .... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....



❖ **Xí nghiệp khai thác Đá Soklu:**

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2, Soklu 5 và các mỏ đá khác (nếu có) khoa học, chặt chẽ, an toàn, hiệu quả theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.  
Điện thoại: 0251.3867582;  
Fax: 0251.3764225
- Các mỏ đá:
  - o Công trường khai thác đá Soklu 2  
Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
  - o Công trường khai thác đá Soklu 5  
- Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi .... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp,....



#### ❖ **Xí nghiệp khai thác Đá Tân Cang**

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1 và các mỏ đá khác (nếu có) khoa học, chặt chẽ, an toàn, hiệu quả theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3850251; Fax: 0251.3850251
- Công trường khai thác đá Tân Cang, điện thoại: 0251.8838056
- Địa chỉ: ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi .... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....



#### **TÌU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG NĂM**

Hiện nay nguồn năng lượng chính Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất và kinh doanh là năng lượng điện. Công ty luôn chủ trương không lãng phí, tiết kiệm, luôn kiểm tra việc sử dụng điện khi máy móc không hoạt động, hạn chế để máy chạy không tải hoặc dư công suất. Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực đẩy mạnh phong trào tiết kiệm điện, tận dụng tối đa các nguồn nguyên, nhiên liệu sẵn có.

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2016	KH 2017	2017	Đơn vị tính
1	Điện	19.686.707	17.924.256	19.540.454	Kwh
2	Xăng, dầu, khí đốt (Dầu DO)	3.219.393	2.930.256	3.097.185	Lít

#### **TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC**

Ngoài lượng nước sử dụng cho sản xuất, Công ty còn sử dụng nước cho sinh hoạt, phục vụ công tác quản lý, điều hành tại văn phòng. Như đã nêu ở trên, Công ty luôn chú tâm đến việc sử dụng hiệu quả các nguồn nguyên, nhiên liệu. Trong năm 2017, thuế tài nguyên nước Công ty đã nộp cho lượng nước sử dụng trong sản xuất và sinh hoạt của 5 mỏ đá là 27.959.960 đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	KH Năm 2017	Năm 2017
Nước cho sản xuất (lít)	143.240	228.470	207.980	167.334
Nước cho sinh hoạt (lít)	8.198	6.495	5.912	9.612
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.438</b>	<b>234.965</b>	<b>213.892</b>	<b>176.496</b>



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn quan tâm đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động, thu nhập bình quân của nhân viên trong năm nay là 11.860.000 đồng/người/tháng.

Duy trì đào tạo tay nghề, ngoài việc linh hoạt đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi trong công việc, còn bắt kịp với xu thế hiện đại, nhanh chóng tiếp thu, học hỏi được các thành tựu khoa học kĩ thuật để áp dụng vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Tiến tới xây dựng mỗi người lao động là một kiểm soát quá trình, giúp Công ty không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thương hiệu BBCC.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BBCC luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà Công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2017 vừa qua, quá trình khai thác và sản xuất vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe ... trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện ... đặc biệt trong các vùng hoạt động chính của Công ty bao gồm Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Thống Nhất, ...

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công tác bảo vệ môi trường được Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2017, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

---

## 03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

---

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội



## 01. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Điểm lại tình hình trong năm qua, yếu tố khó khăn, thách thức liên tục tác động, làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất- kinh doanh của Công ty đó là những điều chỉnh về chính sách vĩ mô của Nhà Nước như: khung thuế tài nguyên, giá điện được điều chỉnh tăng so với năm 2016; giá xăng - dầu liên tục biến động tăng, giảm thất thường theo hướng tăng nhiều, giảm ít; việc áp dụng quy định mới về kiểm soát tải trọng xe tải khi lưu thông trên đường là chính sách đúng đắn, BBCC luôn là đơn vị đi đầu thực hiện quy định trên, kể cả việc thực hiện kết nối, truyền dữ liệu tại các trạm cân thành phẩm trực thuộc Công ty về Ban An toàn giao thông tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, điều này chưa được các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực thực hiện đồng bộ, dẫn đến những bất bình đẳng trong cạnh tranh, nhiều khách hàng không mua đá của Công ty do chi phí vận chuyển tăng lên (vì phải vận chuyển nhiều chuyến hơn mới đủ khối lượng) mà tìm đến mua sản phẩm đá ở những đơn vị khác, trừ khi các đơn vị này đã tiêu thụ hết sản phẩm, hoặc chất lượng sản phẩm không đạt theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Bên cạnh đó, tình hình thời tiết trong năm qua diễn biến bất thường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, mùa mưa bão kéo dài và xảy ra trên diện rộng khắp cả nước nên đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ của Công ty.



Mặt khác, năm 2017, nhiều công trình trọng điểm cấp quốc gia tại khu vực miền Đông và Tây Nam bộ như: đường cao tốc Dầu Giây- Liên Khương, Dầu Giây- Phan Thiết, Trung Lương- Mỹ Thuận và Mỹ Thuận- Cần Thơ v.v.. chưa được triển khai hoặc đẩy mạnh thi công; trong khi các dự án cũ như: cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống ... đều sắp hoàn thành nên nhu cầu tiêu thụ đá giảm, tổng sản lượng đá tiêu thụ của Công ty năm 2017 giảm 4,04% so với năm 2016.



Tuy nhiên, điểm thuận lợi là Công ty luôn nhận được sự quan tâm của chủ sở hữu, sự đồng thuận của cổ đông và sự hỗ trợ, giúp đỡ của các sở, ngành, cơ quan quản lý trong tỉnh, đã tạo những điều kiện tốt nhất giúp cho BBCC tăng cường phát huy những lợi thế khách quan và nội lực của doanh nghiệp. Đặc biệt, với vai trò tham mưu hiệu quả của các phòng nghiệp vụ Công ty, kết hợp việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất- kinh doanh khoa học, nhịp nhàng của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc, cùng tinh thần làm việc chủ động, hăng say, chất lượng và trách nhiệm cao của tuyệt đại bộ phận cán bộ, người lao động toàn đơn vị là lợi thế lớn về nguồn nhân lực so với nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề.

Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa năm 2017 được hoàn thành và vượt kế hoạch năm, cụ thể:

Khoản mục	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So với kế hoạch
<b>Doanh thu thuần</b>	Tr. Đồng	867.000	986.108	113,74%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr. Đồng	112.500	186.071	165,40%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tr. Đồng	90.000	149.015	165,57%
<b>Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VĐL</b>	Tr. Đồng	20%	33,11%	

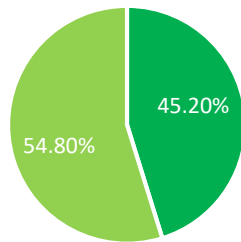
## 02. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	339.292	272.453	-19,70%
Tài sản dài hạn	Tr. đồng	411.388	420.767	2,28%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>750.680</b>	<b>693.220</b>	<b>-7,65%</b>

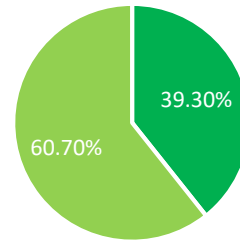
Tổng tài sản trong năm giảm 7,65%, từ 751 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 693 tỷ đồng năm 2017. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 272 tỷ đồng, giảm 19,70% do lượng tiền và các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho trong năm giảm. Tuy nhiên, tài sản dài hạn năm 2017 tăng nhẹ 2,28%, đạt 421 tỷ đồng, do các khoản phải thu dài hạn và tài sản cố định năm 2017 tăng lên.

2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	162.621	155.635	-4,30%
Nợ dài hạn	Tr. đồng	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>162.621</b>	<b>155.635</b>	<b>-4,30%</b>

Cơ cấu nợ của BBCC chỉ gồm nợ ngắn hạn, Công ty không có nhu cầu vay nợ dài hạn. Tổng nợ năm 2017 giảm từ 163 tỷ đồng xuống còn 156 tỷ đồng, tương đương giảm 4,30% do Công ty đã trả bớt một số khoản nợ vay và thuê tài chính. Cụ thể là BBCC đã thanh toán 1,2 tỷ nợ vay ngắn hạn với lãi suất 0,8%/tháng của bà Nguyễn Thị Tư và ông Huỳnh Quang Hòa được ghi nhận năm trước, đồng thời, Công ty cũng đã thanh toán đầy đủ thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước.

## 03. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM



Tình hình lao động Công ty ngày càng tinh gọn, năm 2016 có 764 CB-CNVLD, cuối năm 2017 giảm xuống còn 746 người. Thực hiện tốt công tác đào tạo lại để cấp chứng chỉ các nghề như: thợ mìn, vận hành băng tải bến thủy nội địa, vận hành máy xúc, máy ủi, máy đào, lái xe nâng, máy cày; đào tạo nâng cao nghề hàn... Qua đó, vừa giảm tối đa lao động giản đơn thuộc tổ nghiệm thu khai thác, chế biến và lao động tại các máy nghiền đá, kịp thời bố trí tăng cường cho các trạm cân mới lắp đặt, thợ nổ mìn tại các xí nghiệp khai thác đá, tổ hàn của Xí nghiệp Kỹ thuật Sửa chữa v.v., vừa đáp ứng tốt yêu cầu công việc của từng vị trí trong mỗi thời điểm cụ thể.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm áp dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý. Năm 2017, việc áp dụng chương trình kế toán mới (Fast Business Online) loại bỏ công đoạn trùng lắp và giúp cho việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được nhanh chóng, chính xác.

Trong năm qua, BBCC cũng đã lắp đặt 02 trạm cân nguyên liệu đầu vào tại mỏ đá Soklu 2 và Soklu 5, đảm bảo tất cả các mỏ đá trực thuộc Công ty đều được quản lý khối lượng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra chặt chẽ, chính xác thông qua các hệ thống cân điện tử.

## 04. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở nhận định về những khó khăn, thuận lợi trong thời gian tới. Công ty xây dựng và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 với Tổng Công ty như sau:

Stt	Sản phẩm/Dịch vụ	Sản xuất, tiêu thụ đá (m <sup>3</sup> )	Doanh thu trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Sản phẩm đá các loại:</b>	<b>5.800.000</b>	<b>750.168,00</b>	<b>108.400,00</b>	
1	Xí nghiệp Khai thác Đá	3.650.000	444.280,595	58.400,00	
	- Công trường 4 (Thiện Tân)	1.600.000	196.273,440	28.400,00	
	- Công trường Thạnh Phú	2.050.000	248.007,155	30.000,00	
2	Xí nghiệp Khai thác đá Soklu	650.000	97.448,605	20.000,00	
3	Xí nghiệp KT đá Tân Cang	1.500.000	208.438,800	30.000,00	
<b>II</b>	<b>Trung tâm DVXD và VLXD</b>		<b>102.000,00</b>	<b>2.000,00</b>	
<b>III</b>	<b>Vận tải và Cơ giới</b>		<b>40.000,00</b>	<b>2.500,00</b>	
<b>IV</b>	<b>Giao thông và Xây dựng</b>		<b>5.000,00</b>	<b>100,00</b>	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>897.168,00</b>	<b>113.000,00</b>	<b>190.863,834</b>
<b>Thu nhập bình quân 10,5 triệu đồng/người/tháng.</b>					

**THUẬN LỢI**

Công ty xác định năm 2018 là năm mà đơn vị sẽ có những cơ hội mới, đồng thời cũng sẽ đối diện với nhiều khó khăn và thách thức mới. Điểm thuận lợi là thị trường xây dựng và vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cũng như các khu kinh tế trọng điểm phía Nam sẽ khởi sắc hơn, mạng lưới giao thông đường bộ tiếp tục được nâng cấp mở rộng. Trong đó, tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành được đẩy mạnh thi công các hạng mục và gói thầu còn lại; các dự án cầu Mỹ Thuận 2, tuyến cao tốc Nha Trang- Dầu Giây, Trung Lương- Mỹ Thuận và Mỹ Thuận- Cần Thơ được tập trung triển khai thi công để cơ bản đến năm 2021 hoàn thành (theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc hội khóa 14); cộng với một số dự án giao thông trọng điểm khác trong khu vực dự kiến cũng sẽ được triển khai trong năm 2018... Đây là thuận lợi cho BBCC có điều kiện đẩy mạnh phát triển trong năm 2018 và những năm tiếp theo.



## KHÓ KHĂN

Tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ngay từ những ngày đầu năm dương lịch đã có những cơn mưa lớn trên diện rộng; cộng với tình hình giá cả vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế, giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động, tăng nhiều hơn giảm; nhiều chính sách vĩ mô của Nhà nước chưa ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện, trong đó có các chính sách thuế, phí trực tiếp tác động đối với sản xuất- kinh doanh của Công ty như thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác, phí bảo vệ môi trường .v.v... Mặt khác, tình hình nợ công tăng nhanh, việc giải ngân vốn ODA cho các dự án lớn trong thời gian qua chậm, nguồn vốn cho các dự án mới gặp nhiều khó khăn....., trong khi năng lực sản xuất của BBCC là rất lớn, tổng công suất của các mỏ đá trực thuộc bình quân 20.000m<sup>3</sup>/ngày; khi đầu tư công của Nhà nước gặp khó khăn là sẽ tác động và ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của BBCC.

Về yếu tố chủ quan đó là việc mở rộng moong khai thác của mỏ đá Tân Cang 1 theo thiết kế trước đây gặp rất nhiều khó khăn, do còn lại 2,4ha đất của người dân nằm ở trung tâm mỏ nhưng chủ đất không có nhu cầu chuyển nhượng, dù Công ty đã nhiều lần liên hệ, thuyết phục. Vì vậy, để đáp ứng được nguồn đá nguyên liệu phục vụ cho chế biến và tiêu thụ đang rất ổn định tại mỏ này, Công ty phải thay đổi hướng mở moong khai thác, đó là khẩn trương mở rộng về hướng Bắc và Tây Bắc của mỏ, từ đó phát sinh nhiều công việc mới như: phải nắn lại đường vận chuyển, di dời trạm cân thành phẩm, văn phòng khai thác v.v.. Bên cạnh đó, tình hình xe, máy, thiết bị phần lớn đã xuống cấp do đầu tư trên 10 năm, nhất là đối với các máy khoan thủy lực, toàn Công ty hiện có 10 máy, trong đó 06 máy có thời gian đưa vào sử dụng trên 10 năm, riêng máy tamrock1 và tamrock2 là trên 22 năm. Vì vậy, tình trạng hư hỏng cũng sẽ thường xuyên hơn, do đó tất yếu ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của Công ty.

## CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

**Một là**, tiếp tục phát huy hơn nữa các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị chất lượng, thương hiệu; công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trong năm 2017. Tăng cường phát huy, kết nối giá trị từ các sáng kiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, sức lao động v.v.. làm lợi cho Công ty dù là nhỏ nhất. Trong đó, tập thể lãnh đạo Công ty xác định chủ đề cải tiến trọng tâm trong năm 2018 là "Nâng cao chất lượng lao động theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, tinh gọn, năng suất và hiệu quả hơn; gắn với đẩy mạnh cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ sản phẩm chính để tăng giá trị gia tăng, khai thác tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, hướng đến phát triển bền vững".

**Hai là**, tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất- kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khâu bóc đất tầng phủ, khoan- nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v., đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực; tiếp tục xin chủ trương thanh lý những máy móc, thiết bị hết khấu hao, hoặc không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, tái đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và sử dụng vốn đạt hiệu quả nhất.

Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:

- Tập trung hoàn tất các thủ tục xin nâng độ sâu khai thác mỏ đá Tân Cang 1 đến cote -80m và thông moong mỏ đá Soklu 5 với Soklu 6 trong quý I/2018.
- Tiếp tục triển khai thực hiện di dời cụm máy nghiền đá tại khu chế biến 1 sang khu chế biến 2 mỏ đá Tân Cang 1 đảm bảo khoa học, tiết kiệm chi phí và không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất; gắn với khẩn trương mở rộng moong khai thác về hướng Bắc và Tây Bắc, phù hợp với quy hoạch mới của mỏ Tân Cang 1, đảm bảo nguồn đá nguyên liệu phục vụ chế biến, cung cấp sản phẩm cho khách hàng.
- Đánh giá, phân tích năng lực máy móc thiết bị toàn Công ty để xin chủ trương Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phân kỳ đầu tư xe máy, thiết bị... một cách hợp lý để tăng năng lực sản xuất, năng lực vận chuyển, phục vụ cho mục tiêu, chiến lược phát triển ổn định của Công ty.
- Xin chủ trương tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng, đền bù hoàn chỉnh tại các mỏ đá trực thuộc.
- Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ESOP và các thủ tục đăng ký lưu ký, giao dịch chứng khoán bổ sung theo đúng tiến độ; hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ, gắn với tổ chức Đại hội đồng cổ thường niên năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật và định hướng, chiến lược phát triển của BBCC.

**Ba là,** tăng cường xây dựng niềm tin, cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động Công ty; sự minh bạch thông tin của Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật. Tập thể lãnh đạo Công ty luôn lắng nghe, chia sẻ, gắn với tổ chức thực hiện tốt nhất các chế độ chính sách đối với người lao động trong điều kiện pháp luật cho phép và sự đồng thuận của cổ đông; nhưng đồng thời đòi hỏi mỗi cán bộ, công nhân viên lao động phải luôn nhất quán với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, không tự mãn với kết quả đạt được mà phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa, làm tốt hơn nữa và phải luôn chuẩn bị tâm, thế để đối diện với những khó khăn, thách thức mới; BBCC phải luôn giữ vững bản sắc, thương hiệu, phát huy tinh thần đoàn kết, vượt khó và sáng tạo trong lao động sản xuất kinh doanh.

**Bốn là,** Lãnh đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc cần phối hợp với tổ chức Công đoàn đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện thật tốt các công tác về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng bệnh nghề nghiệp, công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ và công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức thực hiện nghiêm quy định “không an toàn, không sản xuất”, “sản xuất phải an toàn”, trong đó bộ phận chuyên trách an toàn lao động và lực lượng an toàn vệ sinh Công ty, Xí nghiệp phải nêu cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra, giám sát thực tế để chấn chỉnh, nhắc nhở các bộ phận có liên quan chấp hành nghiêm các quy trình, quy phạm về nổ mìn, khai thác và chế biến đá, về vận hành, sửa chữa xe máy, thiết bị v.v..., tất cả cùng chung nhận thức “an toàn lao động mỗi ngày” vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi, hạnh phúc của bản thân và gia đình mỗi cán bộ, CNVLD Công ty.



## 05. BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh, cây cảnh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh. Các hệ thống đã lắp đặt để giảm thiểu vấn đề môi trường và sức khỏe bao gồm: hệ thống phun sương chống bụi tại tất cả các máy nghiền đá, hệ thống xịt cao áp rửa xe, bảo trì hệ thống xử lý nước thải, ... Tiết kiệm tối đa khi sử dụng các nguồn năng lượng, đặc biệt là nguồn nước.

BBCC luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty, BBCC luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và đơn vị hoạt động tích cực và hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình và đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà công ty đang hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khu vực cộng đồng gần nơi khai

# 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương lớn, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức 10 phiên họp, 06 lần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia mở rộng của Ban Điều hành, Ban kiểm soát, các trưởng, phó phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty; đã ban hành 16 nghị quyết và 08 quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; phối hợp tốt với Ban kiểm soát duy trì việc kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; thực hiện công bố thông tin kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thời gian qua có 02 người không tham gia điều hành và 03 người kiêm nhiệm. Năm 2017, các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty; trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; luôn xem xét, quyết định các vấn đề, các định hướng phát triển của Công ty một cách cẩn trọng và minh bạch; kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

## 02. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty để kịp thời kiểm tra, chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Xây dựng, thông qua các quy chế, quy định nội bộ giao cho Giám đốc chủ động thực hiện các phương án sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy quản lý nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Điều hành, tập thể người lao động Công ty đã xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ để giúp Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 149,015 tỷ đồng, vượt 65,57% kế hoạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đặc biệt, Ban Điều hành Công ty là những người có chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của công ty; có tâm huyết nhằm cải thiện, đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Ban Điều hành đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng quản trị, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận năm 2017.

## 03. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

**Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cụ thể như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Giá trị sản xuất thực tế	m <sup>3</sup>	5.800.000
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	897.168
3	Lợi nhuận	triệu đồng	113.000
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	190.863,834

**Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:**

- Tiếp tục tập trung cho ngành nghề khai thác sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá. Xây dựng kế hoạch phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích công ty, cổ đông với lợi ích của người lao động và cộng đồng.
- Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để Ban điều hành Công ty thực hiện đạt kết quả tốt nhất kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Phân tích, đánh giá năng lực máy móc, thiết bị hiện có để có kế hoạch phân kỳ đầu tư hợp lý, kịp thời bổ sung, thay thế những máy móc, thiết bị đã xuống cấp, sử dụng lâu năm, kém hiệu quả. Qua đó, tăng cường, đảm bảo năng lực máy móc thiết bị để phục vụ cho hoạt động khai thác của công ty ngày một hiệu quả, hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác của công ty đến môi trường.





- Tăng cường công tác tìm kiếm công trình cho Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng, từng bước củng cố và nâng tầm hoạt động của Xí nghiệp.
- Triển khai nghiên cứu, tính toán các phương án khả thi nhất nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, hướng đến mô hình, chiến lược sản xuất kinh doanh khép kín, tạo thêm nhiều việc làm, đa dạng sản phẩm, dịch vụ, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp.
- Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực đảm bảo chuẩn hóa chuyên môn theo hướng chuyên sâu; đồng thời từng bước tiếp cận với cuộc Cách mạng khoa học công nghệ 4.0, tăng cường kết tinh hàm lượng tri thức vào sản phẩm để tăng giá trị gia tăng, năng suất lao động, phát triển Công ty bền vững
- Tiếp tục hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực, điều hành tổ chức sản xuất - kinh doanh khoa học, thế mạnh thương hiệu, chất lượng sản phẩm và các yếu tố thuận lợi khách quan của thị trường tiêu thụ sản phẩm để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2018 và những năm tiếp theo.



## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Thù lao và các giao dịch



01. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT (từ 22/06/2017)	11.700.000	26,00%
2	Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT (đến 22/06/2017)	-	-
3	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm GD	10.083.800	22,41%
4	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên HĐQT	4.500.000	10,00%
5	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD	3.305.800	7,35%
6	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	3.307.000	7,35%

**TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT**

Ông Huỳnh Kim Vũ – Thành viên HĐQT kiêm GD (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Ông Hứa Hồ Điệp – Thành viên HĐQT kiêm Phó GD

Ông Phạm Quốc Thái – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: 24/06/1972

Nơi sinh: Biên Hòa – Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: -

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.700.000

**Bà Trần Thị Thùy Lan – Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 13/10/1976

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học ngành Giáo dục

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: -

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 4.500.000

**CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	05	50	Tham gia từ 22/06/2017
2	Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	05	50	Tham gia đến 22/06/2017
3	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	10	100	
3	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên	10	100	
4	Hứa Hồ Điệp	Thành viên	10	100	
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên	05	50	Tham gia từ 22/06/2017

**CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	14A/NQ-HĐQT	23/3/2017	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty.
	14B/NQ-HĐQT	23/3/2017	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
	14C/NQ-HĐQT	23/3/2017	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
2	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Kết quả sản xuất kinh doanh quý I và thông qua kế hoạch quý II/2017
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Phê duyệt thang lương, bảng lương của Người quản lý và người lao động Công ty
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Giảm giá tài sản thanh lý
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Đầu tư 01 máy xay đá công suất 350 tấn/giờ (máy 9) tại mỏ đá Tân Cang
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Giới thiệu đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Dự kiến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với cổ phiếu VLB
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Hạn mức vay vốn năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
	15/NQ-HĐQT	12/4/2017	Xem xét, thông qua chủ trương hỗ trợ mặt bằng sản xuất giữa BBCC và Công ty TNHH XD và Giao thông BMT tại khu vực mỏ Tân Cang 1
3	16/NQ-HĐQT	25/4/2017	Sửa chữa mặt bằng và đường vào Bến thủy nội địa Thiện Tân
	16/NQ-HĐQT	25/4/2017	Sửa chữa mặt bằng Bến thủy nội địa Thạnh Phú
4	17A/NQ-HĐQT	01/6/2017	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu của người lao động đã nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ
	17B/NQ-HĐQT	01/6/2017	Quý tiền lương, thù lao thực hiện, tiền thưởng Công ty năm 2016 (của người lao động và Người quản lý Công ty); quỹ tiền lương kế hoạch người lao động và tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý Công ty năm 2017
	17B/NQ-HĐQT	01/6/2017	Thẩm định lại giá trị của tài sản, vật tư thanh lý

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
	17B/NQ-HĐQT	01/6/2017	Kế hoạch nghỉ mát của CB-CNVLD Công ty năm 2017
	17B/NQ-HĐQT	01/6/2017	Chương trình, nội dung chính báo cáo, trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội
5	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Kết quả sản xuất - kinh doanh 5 tháng đầu năm 2017, kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Đầu tư trạm cân đá nguyên liệu tại mỏ đá Soklu 2 - Xí nghiệp Khai thác Đá Soklu
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Đầu tư trạm cân đá nguyên liệu tại mỏ đá Soklu 5 - Xí nghiệp Khai thác Đá Soklu
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Đầu tư hệ thống rửa xe tự động tại mỏ đá Thạnh Phú 1 - Xí nghiệp Khai thác Đá
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Đầu tư xây dựng mới hàng rào của Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Sửa chữa đường vào khu chế biến 2 mỏ đá Thạnh Phú - Xí nghiệp Khai thác Đá (từ ngã 3 chốt bảo vệ đến trạm cân 3, dài 330m)
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Sửa chữa đường vào Bến thủy nội địa Phù Sa (tại cổng 1 và cổng 2)
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Sửa chữa mặt bằng Bến thủy nội địa Phù Sa
	18/NQ-HĐQT	19/6/2017	Rà soát, phân công công việc Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
6	19/NQ-HĐQT	22/6/2017	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty BBCC đối với ông Nguyễn Văn Dũng
7	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Quy chế quản lý tài chính của Công ty BBCC
	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Quy chế quản lý nợ của Công ty BBCC
	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Quy chế khuyến mại và hoa hồng môi giới của Công ty BBCC
	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Đền bù, nhận chuyển nhượng đất hộ ông Nguyễn Quốc Triều để mở đường đầu nối từ khu vực chế biến 2, mỏ đá Tân Cang 1 ra đường chuyên dùng vận chuyển VLXD tại xã Phước Tân và xã Tam Phước
	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Thông qua kế hoạch thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông
	20/NQ-HĐQT	12/7/2017	Bán thanh lý tài sản cố định được định giá dưới giá trị còn lại
8	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Kết quả sản xuất - kinh doanh 8 tháng đầu năm 2017, kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty
	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty BBCC
	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Quy chế công bố thông tin của Công ty BBCC
	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Sửa chữa đường vận chuyển vật liệu BBCC - Vĩnh Hải (đoạn từ ĐT768 vào BTNĐ Thiện Tân)
	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Giải quyết cho ông Hồ Ngọc Lập - Phó Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/11/2017
	21/NQ-HĐQT	31/8/2017	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Đá, Phó Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Đá Tân Cang và Phó Giám đốc Xí nghiệp Kỹ thuật - Sửa chữa
9	22/NQ-HĐQT	03/10/2017	Thông qua chủ trương thẩm định lại giá trị 17 tài sản và lô vật tư, phụ tùng thanh lý

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
10	23/NQ-HĐQT	05/10/2017	Kết quả sản xuất - kinh doanh 9 tháng năm 2017, kế hoạch quý IV/2017 và kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty
	23/NQ-HĐQT	05/10/2017	Di dời máy xay đá (máy nghiền sàng đá) số 05 từ khu chế biến 1 sang khu chế biến 2 mỏ đá Tân Cang 1 và nâng cấp công suất từ 250 tấn/giờ lên 350 tấn/giờ
	23/NQ-HĐQT	05/10/2017	Góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tại bãi 3 xã Tân Hạnh - thành phố Biên Hòa theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TM-DV Hoàng Gia Bảo
11	24/NQ-HĐQT	31/10/2017	Thống nhất ý kiến về việc giao nhiệm vụ Quyền Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Đá Tân Cang
12	25/NQ-HĐQT	14/11/2017	Làm đường dẫn nối với đường chuyên dùng tại mỏ đá Tân Cang 1 (từ khu văn phòng mỏ đá Tân Cang 1 đến đường chuyên dùng)
	25/NQ-HĐQT	14/11/2017	Đóng góp kinh phí làm mương thoát nước dọc tuyến đường Tân Hiền, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu
	25/NQ-HĐQT	14/11/2017	Áp dụng giảm giá bán và hạn mức nợ cho khách hàng truyền thống của Xí nghiệp Khai thác Đá Soklu
13	26/NQ-HĐQT	22/11/2017	Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền
14	27A/NQ-HĐQT	30/11/2017	Thông qua chủ trương lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện
	27B/NQ-HĐQT	30/11/2017	Lắp đặt hệ thống rửa xe tự động tại mỏ đá Tân Cang 1
	27B/NQ-HĐQT	30/11/2017	Thanh lý tài sản cố định hư hỏng, không cần dùng
	27B/NQ-HĐQT	30/11/2017	Thanh lý vật tư, phụ tùng không cần dùng
	27B/NQ-HĐQT	30/11/2017	Bồi thường, nhận chuyển nhượng 8.192m <sup>2</sup> đất hộ bà Bành Kim Hồng để mở rộng khu vực khai thác và phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 1
15	28/NQ-HĐQT	22/12/2017	Thông qua các nội dung gửi, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
16	29/NQ-HĐQT	29/12/2017	Thống nhất ý kiến về việc giao ông Đặng Bửu Thành giữ nhiệm vụ Giám đốc Xí nghiệp Khai thác đá Soklu đến ngày 30/6/2018

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



## 02. BAN KIỂM SOÁT

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban	6.700	0,01%
2	Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	3.300.000	7,33%
3	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	6.400	0,01%

## CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)	Lý do không tham dự
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban	02	100	
2	Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên	01	50	Nghỉ thai sản
3	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên	02	100	

## HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

**LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BKS**

<b>Ông Huỳnh Đường Tài – Trưởng BKS</b>	
Năm sinh	06/08/1975
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân tài chính - kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	6.700
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

<b>Bà Huỳnh Huy Anh Thư – Thành viên BKS</b>	
Năm sinh	10/01/1981
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	3.300.000

<b>Bà Nguyễn Thị Thuận Hiếu – Thành viên BKS</b>	
Năm sinh	14/09/1976
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	6.400
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

03. THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC GIAO DỊCH

CÁC KHOẢN THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Lương (đồng)	Thường (đồng)
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT**, Phó GD***		620.675.100	68.000.000
2	Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT*	27.662.400	276.624.000	44.000.000
3	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT, GD	137.966.220	819.498.600	85.568.271
4	Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT, Phó GD	137.966.220	689.831.100	75.000.000
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT**, Kế toán trưởng	67.427.100	689.831.100	75.000.000
6	Trần Thị Thùy Lan	Thành viên HĐQT	137.966.220		75.000.000
7	Hồ Ngọc Liệp	Thành viên HĐQT*	70.539.120	577.452.600	60.000.000
8	Huỳnh Đường Tài	Trưởng BKS		497.923.200	45.000.000
9	Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên BKS	103.474.668		35.000.000
10	Nguyễn Thị Thuận Hiếu	Thành viên BKS	68.983.110		25.000.000
11	Nguyễn Xuân Việt	Phó GD		689.831.100	75.000.000

\*Từ 01/01/2016 đến 22/06/2017, đã nghỉ hưu

\*\*Từ 22/06/2017 đến 31/12/2017

\*\*\*Từ 24/03/2017 đến 22/06/2017

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Không.

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không.



---

# 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán

---

--	--	--

---



Số: 1.0280/18/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>272.453.090.728</b>	<b>339.291.794.069</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>115.842.955.348</b>	<b>240.042.275.096</b>
1. Tiền	111		10.842.955.348	40.042.275.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	200.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>96.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	96.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.591.798.152</b>	<b>18.386.755.986</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.523.077.217	15.263.678.786
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.247.229.317	1.989.314.241
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.821.491.618	1.133.762.959
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>26.099.105.212</b>	<b>79.162.865.039</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	26.322.466.003	79.162.865.039
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(223.360.791)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.919.232.016</b>	<b>1.699.897.948</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	10.919.232.016	1.699.897.948
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>420.767.245.568</b>	<b>411.387.683.362</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.293.411.021</b>	<b>22.753.284.525</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	25.293.411.021	22.753.284.525
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>154.584.781.770</b>	<b>180.230.040.506</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	154.226.731.770	180.230.040.506
- Nguyên giá	222		508.969.726.541	499.561.131.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(354.742.994.771)	(319.331.090.495)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	358.050.000	-
- Nguyên giá	228		415.800.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.750.000)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.503.822.602</b>	<b>11.664.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	12.503.822.602	11.664.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>228.385.230.175</b>	<b>188.392.694.331</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	183.006.969.835	188.392.694.331
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	45.378.260.340	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>693.220.336.296</b>	<b>750.679.477.431</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>155.634.694.217</b>	<b>162.620.611.764</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.634.694.217</b>	<b>162.620.611.764</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	20.001.723.289	26.764.938.971
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	12.980.329.291	11.808.882.487
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.038.038.081	26.278.846.961
4. Phải trả người lao động	314	V.15	24.774.774.087	31.048.121.349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	90.000.000	133.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.877.450.982	2.395.547.418
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	-	1.200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	92.872.378.487	62.991.274.578
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>537.585.642.079</b>	<b>588.058.865.667</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>537.585.642.079</b>	<b>588.058.865.667</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	7.070.787.461	7.070.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(1.316.700.000)	(764.370.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	49.928.976.924	27.576.700.486
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	31.902.577.694	104.175.747.720
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	104.175.747.720
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.902.577.694	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>693.220.336.296</b>	<b>750.679.477.431</b>

Biên Hòa, ngày 12 tháng 01 năm 2018

  
 Nguyễn Ngọc Mai Phương  
 Người lập

  
 Phạm Quốc Thái  
 Kế toán trưởng

  
 Huỳnh Kim Vũ  
 Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	986.114.278.922	1.215.376.907.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.117.274	66.243.630
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		986.108.161.648	1.215.310.663.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	734.797.262.431	906.600.615.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		251.310.899.217	308.710.048.633
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.042.105.830	9.597.287.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	135.741.800	699.430.879
Trong đó: chi phí lãi vay	23		135.717.432	699.430.879
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	24.056.979.792	23.525.385.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	55.742.279.734	66.353.886.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		184.418.003.721	227.728.633.278
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.478.412.806	2.809.023.815
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.825.913.895	602.036.873
13. Lợi nhuận khác	40		1.652.498.911	2.206.986.942
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		186.070.502.632	229.935.620.220
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	37.055.326.376	46.090.950.314
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>149.015.176.256</u>	<u>183.844.669.906</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	<u>2.389</u>	<u>2.929</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	<u>2.287</u>	<u>2.929</u>

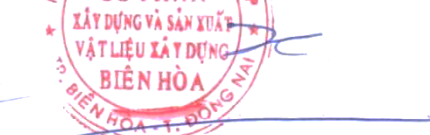
Biên Hòa, ngày 12 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Ngọc Mai Phương  
Người lập



Phạm Quốc Thái  
Kế toán trưởng



Huỳnh Kim Vũ  
Giám đốc



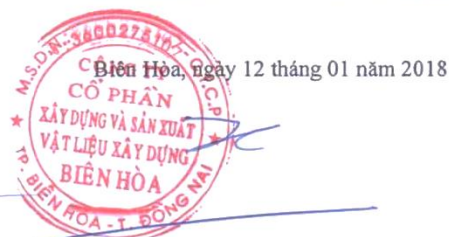
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		186.070.502.632	229.935.620.220
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	39.930.804.592	45.602.294.268
- Các khoản dự phòng	03	V.6	223.360.791	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 9	(12.659.713.351)	(7.995.249.265)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	135.717.432	699.430.879
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		213.700.672.096	268.242.096.102
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.766.822.730)	(11.675.156.632)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.467.972.038	26.359.593.858
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.586.434.039)	(68.469.512.399)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.385.724.496	24.132.864.646
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(135.717.432)	(646.830.879)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(47.135.913.793)	(37.673.013.307)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	92.176.000	80.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(11.852.041.935)	(10.299.962.065)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>126.169.614.701</b>	<b>190.050.579.324</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, 8, 9	(27.787.712.097)	(43.251.872.848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		621.781.818	287.280.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(96.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	20.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	11.844.425.830	9.597.211.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(91.321.504.449)</b>	<b>(33.367.381.296)</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20	(552.330.000)	(764.370.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	31.203.594.996	10.456.020.745
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(32.403.594.996)	(46.201.205.002)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(157.295.100.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b><u>(159.047.430.000)</u></b>	<b><u>(36.509.554.257)</u></b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(124.199.319.748)</b>	<b>120.173.643.771</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>240.042.275.096</b>	<b>119.868.631.325</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b><u>115.842.955.348</u></b>	<b><u>240.042.275.096</u></b>



  
 Nguyễn Ngọc Mai Phương  
 Người lập

  
 Phạm Quốc Thái  
 Kế toán trưởng

  
 Huỳnh Kim Vũ  
 Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất sang lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; Sản xuất bê tông nhựa nóng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng	KP4, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp khai thác đá	Tổ 12, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	Tổ 93, Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, KP 5, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp khai thác đá Soklu	Km 07, Quốc lộ 20, Ấp Nguyễn Huệ 2, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp vận tải và cơ giới	K4/79C, đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng	Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

*Các địa điểm kinh doanh:*

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Bến thủy nội địa Thạnh Phú	Tổ 7, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Bến thủy nội địa Thiện Tân	Tổ 1, ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Cảng vật liệu xây dựng Hóa An (Bến Phù Sa)	Tổ 24, ấp 2, xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do năm trước là năm đầu tiên Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần và năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.
7. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 746 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 764 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**  
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Chi phí đền bù, thăm dò mỏ đá*

Chi phí đền bù, thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho việc khai thác, mở rộng mỏ đá được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế trong năm và Chi phí thuê mặt bằng phân bổ theo thời hạn thuê.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

**9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**13. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



**16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Công cụ tài chính*****Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	914.110.000	1.253.339.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.928.845.348	38.788.936.096
Các khoản tương đương tiền	105.000.000.000	200.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
<b>Cộng</b>	<u><u>115.842.955.348</u></u>	<u><u>240.042.275.096</u></u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 4 tháng đến 6 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm Công ty đã thu hồi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước có giá trị là 20.000.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>535.397.000</i>	<i>-</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	535.397.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>17.987.680.217</i>	<i>15.263.678.786</i>
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Vận tải Châu Pha	1.957.297.927	-
Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành	780.609.074	3.496.443.332
Công ty TNHH đầu tư Nguyễn Minh	1.948.681.818	1.923.389.593
Công ty TNHH dịch vụ thương mại sản xuất xây dựng Đông Mê Kông	2.836.022.550	2.654.590.164
Các khách hàng khác	10.465.068.848	7.189.255.697
<b>Cộng</b>	<u><u>18.523.077.217</u></u>	<u><u>15.263.678.786</u></u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tư vấn Nam Khang	59.708.000	619.544.480
Công ty TNHH Xây dựng Địa Chất Khoáng Sản Vĩnh An	250.400.000	331.200.000
Công ty TNHH TMDV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	710.000.000	701.396.760
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thái Nam	534.375.000	-
Các nhà cung cấp khác	692.746.317	337.173.001
<b>Cộng</b>	<u><u>2.247.229.317</u></u>	<u><u>1.989.314.241</u></u>

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.197.680.000	-	-	-
Tạm ứng	628.000.000	-	265.807.745	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	407.374.274	-	362.531.578	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	41.987.344	-	37.943.399	-
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	260.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	286.450.000	-	467.480.237	-
<b>Cộng</b>	<b>2.821.491.618</b>	<b>-</b>	<b>1.133.762.959</b>	<b>-</b>

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.497.234.118	-	70.691.870.202	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	310.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.083.701.156	-	1.491.681.750	-
Thành phẩm	10.323.497.321	(223.360.791)	5.732.550.707	-
Hàng hóa	1.418.033.408	-	1.246.452.380	-
<b>Cộng</b>	<b>26.322.466.003</b>	<b>(223.360.791)</b>	<b>79.162.865.039</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	223.360.791	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>223.360.791</b>	<b>-</b>

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.596.506.109	352.599.026.887	82.509.511.162	3.741.086.843	115.000.000	499.561.131.001
Mua trong năm	-	1.147.830.082	2.384.391.272	-	-	3.532.221.354
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	917.333.704	10.175.304.068	-	254.894.369	-	11.347.532.141
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.523.134.055)	(2.844.723.900)	(33.300.000)	-	(5.401.157.955)
Giảm khác (chuyển sang Công cụ dụng cụ)	(70.000.000)	-	-	-	-	(70.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>61.443.839.813</b>	<b>361.399.026.982</b>	<b>82.049.178.534</b>	<b>3.962.681.212</b>	<b>115.000.000</b>	<b>508.969.726.541</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.029.209.319	4.305.422.031	-	-	42.334.631.350
Chờ thanh lý	-	705.879.500	2.342.203.380	37.145.455	-	3.085.228.335

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	24.809.830.941	242.036.376.098	49.987.207.890	2.396.731.120	100.944.446	319.331.090.495
Khấu hao trong năm	4.417.032.046	26.304.974.824	8.681.987.470	461.393.584	7.666.668	39.873.054.592
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.722.281.254)	(2.643.622.404)	(31.080.000)	-	(4.396.983.658)
Giảm khác (chuyển sang Công cụ dụng cụ)	(64.166.658)	-	-	-	-	(64.166.658)
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.162.696.329</b>	<b>266.619.069.668</b>	<b>56.025.572.956</b>	<b>2.827.044.704</b>	<b>108.611.114</b>	<b>354.742.994.771</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	35.786.675.168	110.562.650.789	32.522.303.272	1.344.355.723	14.055.554	180.230.040.506
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.281.143.484</b>	<b>94.779.957.314</b>	<b>26.023.605.578</b>	<b>1.135.636.508</b>	<b>6.388.886</b>	<b>154.226.731.770</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	52.055.946	111.261.260	2.600.184	-	165.917.390

**8. Tài sản cố định vô hình****Chương trình phần  
mềm máy tính****Nguyên giá**

Số đầu năm

Mua trong năm

**Số cuối năm***Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm

Khấu hao trong năm

**Số cuối năm****Giá trị còn lại**

Số đầu năm

**Số cuối năm***Trong đó:*

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

415.800.000

**415.800.000**

-

57.750.000

**57.750.000**

-

**358.050.000**

-

-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	11.664.000	3.936.357.354	(3.948.021.354)	-	-
02 xe bồn tưới nước chuyên dụng	11.664.000	2.372.727.272	(2.384.391.272)	-	-
Phần mềm kế toán Fast Business Online	-	415.800.000	(415.800.000)	-	-
Trạm biến áp 3pha, 1500kVA 22/0,4kV (số 8- sd cho Máy xay số 5)	-	1.147.830.082	(1.147.830.082)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang Công trình Bờ kè, móng kè Máy xay số 9- Tân Cang	-	23.874.873.869	(11.347.532.141)	(23.519.126)	12.503.822.602
Móng bàn cân nguyên liệu (trạm cân Soklu5)	-	456.221.428	(432.702.302)	(23.519.126)	-
Lắp đặt bàn cân 60 tấn dài 8m trạm cân nguyên liệu Soklu5	-	110.852.401	(110.852.401)	-	-
Móng bàn cân nguyên liệu (trạm cân Soklu 2)	-	254.894.369	(254.894.369)	-	-
Máy rửa xe tự động tại Mỏ đá TP (Đường ra tỉnh lộ 768)	-	113.406.274	(113.406.274)	-	-
Hàng rào gạch Block 195mét -XN Công trình GT và XD	-	234.502.000	(234.502.000)	-	-
Sửa chữa nâng cấp máy xay số 5, loại cố định từ cs 250 tấn/giờ ->350 tấn/giờ (5 Tân Cang)	-	260.372.727	(260.372.727)	-	-
Nâng cấp Bờ kè sắt 20 mét Máy xay số 5 Tân Cang	-	11.962.886.355	-	-	11.962.886.355
Nâng cấp Móng bệ máy xay số 5 Tân Cang	-	385.131.685	-	-	385.131.685
Máy xay số 9 - Tân Cang	-	155.804.562	-	-	155.804.562
Cộng	11.664.000	27.811.231.223	(15.295.553.495)	(23.519.126)	12.503.822.602

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	52.852.304.938	48.625.682.994
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	12.350.799.375	12.872.961.890
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	77.201.036.816	78.640.584.406
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	38.037.414.299	39.358.468.314
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Lợi thế kinh doanh	-	4.913.015.668
Chi phí trả trước dài hạn khác	286.166.697	1.702.733.349
<b>Cộng</b>	<b>183.006.969.835</b>	<b>188.392.694.331</b>

**11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật	1.845.437.253	3.140.998.850
Công nghiệp Quốc Phòng	3.292.529.240	3.628.675.270
Công ty TNHH Nam Phong	14.863.756.796	19.995.264.851
Các nhà cung cấp khác	<u>20.001.723.289</u>	<u>26.764.938.971</u>
<b>Cộng</b>		

**12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Văn Hưng	2.758.439.201	1.768.618.005
Các khách hàng khác	<u>10.221.890.090</u>	<u>10.040.264.482</u>
<b>Cộng</b>	<u><u>12.980.329.291</u></u>	<u><u>11.808.882.487</u></u>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.045.659.147	-	58.151.383.417	(63.088.241.143)	1.108.801.421	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.201.288	(16.201.288)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.789.202.117	-	37.055.326.376	(47.135.913.793)	708.614.700	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.699.897.948	2.676.655.875	(1.894.785.405)	-	918.027.478
Thuế tài nguyên	5.760.398.651	-	55.872.624.328	(60.913.679.987)	719.342.992	-
Tiền thuế đất	-	-	8.873.212.868	(8.873.212.868)	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	227.641.062	(228.845.600)	-	1.204.538
Phí bảo vệ môi trường	3.683.587.046	-	38.647.791.015	(41.830.099.093)	501.278.968	-
Phí cấp quyền khai thác	-	-	31.203.594.996	(41.203.594.996)	-	10.000.000.000
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<u>26.278.846.961</u>	<u>1.699.897.948</u>	<u>232.733.431.225</u>	<u>(265.193.574.173)</u>	<u>3.038.038.081</u>	<u>10.919.232.016</u>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	05%
- Sản phẩm khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất tháng 11 và tháng 12 của năm 2015 là 22%, tháng 1 đến tháng 12 của năm 2016 là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186.070.502.632	229.935.620.220
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	403.809.246	588.619.027
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	186.474.311.878	230.524.239.247
Thu nhập được miễn thuế	(1.197.680.000)	(4.000.000.000)
Thu nhập tính thuế	185.276.631.878	226.524.239.247
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%; 20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>37.055.326.376</b>	<b>46.090.950.314</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>37.055.326.376</b>	<b>46.090.950.314</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế tài nguyên bằng giá bán sản phẩm Công nghiệp trừ chi phí chế biến phát sinh giai đoạn từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm Công nghiệp (nhưng không được thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định) với thuế suất là 10%, cụ thể như sau:

	<u>(VND/m<sup>3</sup>)</u>	<u>Thuế suất</u>
- Đất san lấp	21.000	7%
- Nước sinh hoạt	3.000	3%
- Nước sản xuất	6.100	8%
- Đá nguyên liệu	-	10%

#### **Tiền thuê đất**

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo Quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

#### **Phí cấp quyền khai thác**

Công ty đã nộp giá trị thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

#### **Phí bảo vệ môi trường**

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	<u>(VND/m<sup>3</sup>)</u>	<u>(VND/tấn)</u>
- Đất gạch	2.200	-
- Đất san lấp	2.200	-
- Đá nguyên liệu	-	3.003



**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Các chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	503.038.180	225.103.540
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	1.205.417.682	1.836.543.289
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>168.995.120</u>	<u>233.900.589</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.877.450.982</u></b>	<b><u>2.395.547.418</u></b>

**17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam <sup>(i)</sup>	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	1.200.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Tư <sup>(ii)</sup>	-	500.000.000
Vay Ông Huỳnh Quang Hòa <sup>(iii)</sup>	-	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.200.000.000</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp.

(ii) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, gia hạn hàng năm.

(iii) Khoản vay Ông Huỳnh Quang Hòa để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, gia hạn hàng năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	31.203.594.996	(31.203.594.996)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.200.000.000</u></b>	<b><u>31.203.594.996</u></b>	<b><u>(32.403.594.996)</u></b>	<b><u>-</u></b>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	30.968.628.694	20.516.630.747	92.176.000	(10.350.440.000)	41.226.995.441
Quỹ phúc lợi	31.194.785.963	20.516.630.747	-	(728.601.935)	50.982.814.775
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	827.859.921	607.708.350	-	(773.000.000)	662.568.271
<b>Cộng</b>	<b>62.991.274.578</b>	<b>41.640.969.844</b>	<b>92.176.000</b>	<b>(11.852.041.935)</b>	<b>92.872.378.487</b>

20. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	316.770.000.000	316.770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	104.510.000.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	28.720.000.000	88.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>

20b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.955.300	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	44.955.300	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.955.300	45.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(32.300)	(44.700)
- Cổ phiếu phổ thông	(32.300)	(44.700)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.923.000	44.955.300
- Cổ phiếu phổ thông	44.923.000	44.955.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, theo Nghị Quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 01/2017/ĐHDCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2017 đã quyết định phân phối lợi nhuận năm 2016 và 2017 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2016	: 27.576.700.486
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017	: 22.352.276.438
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	: 50.939.861.779
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017	: 41.033.261.494
• Thương Ban điều hành 2016	: 1.152.359.921
• Thương Ban điều hành 2017	: 607.708.350
• Chia cổ tức năm 2016	: 89.910.600.000
• Tạm ứng cổ tức năm 2017	: 67.384.500.000

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.382.327.916	6.456.896.781
Trên 1 năm đến 5 năm	16.684.427.665	23.337.032.503
Trên 5 năm	31.572.190.121	33.619.120.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.638.945.703</u></b>	<b><u>63.413.049.284</u></b>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

**Nợ khó đòi đã xử lý**

Khoản nợ phải thu tiền hàng nhiều công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền 6.026.368.008 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán đất, đá	726.929.465.751	941.138.988.026
Doanh thu xây dựng	4.980.391.817	-
Doanh thu bán hàng hóa	205.688.891.752	223.596.776.626
Doanh thu khác	48.515.529.602	50.641.142.829
<b>Cộng</b>	<b><u>986.114.278.922</u></b>	<b><u>1.215.376.907.481</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm Công ty chỉ phát sinh doanh thu xây dựng cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 4.980.391.817 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản hàng bán bị trả lại.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán đất, đá	509.089.985.431	677.501.463.887
Giá vốn xây dựng	4.780.295.984	-
Giá vốn bán hàng hóa	178.077.086.574	193.415.269.270
Giá vốn khác	42.849.894.442	35.683.882.061
<b>Cộng</b>	<b><u>734.797.262.431</u></b>	<b><u>906.600.615.218</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.844.425.830	5.597.211.552
Lãi cổ tức	1.197.680.000	4.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	75.745
<b>Cộng</b>	<b><u>13.042.105.830</u></b>	<b><u>9.597.287.297</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	135.717.432	699.430.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.368	-
<b>Cộng</b>	<b><u>135.741.800</u></b>	<b><u>699.430.879</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.726.135.175	7.460.957.040
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	1.765.525.935	1.891.093.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.786.733.798	944.874.147
Chi phí vận chuyển, gia công	8.253.500.497	10.934.095.248
Các chi phí khác	5.525.084.387	2.294.365.888
<b>Cộng</b>	<b><u>24.056.979.792</u></b>	<b><u>23.525.385.458</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.067.231.820	29.681.948.621
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.589.976.941	2.522.634.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.446.126.280	1.258.698.105
Phân bổ lợi thế kinh doanh	4.913.015.668	6.878.221.924
Chi phí sửa chữa thiết bị	15.407.980.215	16.492.904.444
Các chi phí khác	9.317.948.810	9.519.478.614
<b>Cộng</b>	<b><u>55.742.279.734</u></b>	<b><u>66.353.886.315</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình	-	287.280.000
Thu nhập từ bán phế liệu, vật tư	2.056.167.270	1.653.082.064
Tiền thuê đất mỏ Đồi Chù	441.793.292	-
Thừa kế kiểm kê	359.021.852	372.561.935
Thu nhập khác	621.430.392	496.099.816
<b>Cộng</b>	<b><u>3.478.412.806</u></b>	<b><u>2.809.023.815</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	382.392.479	-
Thuế bị phạt, truy thu	29.079.080	25.741.125
Thanh lý vật tư, nguyên liệu	1.064.873.952	157.979.487
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	54.289.582	60.596.855
Chi phí khác	295.278.802	357.719.406
<b>Cộng</b>	<b><u>1.825.913.895</u></b>	<b><u>602.036.873</u></b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	150.386.339.954	230.037.900.839
Chi phí nhân công	85.112.467.464	136.696.990.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.498.123.605	45.602.294.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.069.105.354	398.466.207.455
Chi phí khác	181.239.586.686	72.451.677.359
<b>Cộng</b>	<b><u>594.305.623.064</u></b>	<b><u>883.255.070.124</u></b>

**11. Lãi trên cổ phiếu****11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	149.015.176.256	183.844.669.906
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(41.033.261.494)	(50.939.861.779)
Trích thưởng Ban điều hành	(607.708.350)	(1.152.359.921)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>107.374.206.412</u>	<u>131.752.448.206</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	44.941.053	44.981.153
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.389</u></b>	<b><u>2.929</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	44.955.300	45.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(14.247)	(18.847)
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>44.941.053</u></b>	<b><u>44.981.153</u></b>

**11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	107.374.206.412	131.752.448.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>107.374.206.412</u>	<u>131.752.448.206</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	46.941.053	44.981.153
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.287</u></b>	<b><u>2.929</u></b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	44.941.053	44.981.153
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành mới	2.000.000	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>46.941.053</u></b>	<b><u>44.981.153</u></b>

**11c. Thông tin khác**

Công ty dự kiến phát hành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2017.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Trích lương và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.649.651.858 VND (năm trước là 5.808.920.000 VND).

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty mẹ.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch thu hộ tiền cho Công ty mẹ với số tiền là 332.427.984 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

Giá dịch vụ cung cấp cho Công ty mẹ khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ Công ty mẹ được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ Công ty mẹ được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu Công ty mẹ không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu Công ty mẹ.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực sản xuất kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng và toàn bộ tiêu thụ trong nội địa (chiếm khoản 95% trong tổng doanh thu).

**3. Số liệu so sánh**

Công ty áp dụng phần mềm mới cho việc hạch toán kế toán và sử dụng thống nhất cho văn phòng Công ty và các xí nghiệp nên có ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	15.577.259.015	(313.580.229)	15.263.678.786
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.122.462.716	(313.580.229)	11.808.882.487
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.361.576.403)	(313.580.229)	(11.675.156.632)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(68.783.092.628)	313.580.229	(68.469.512.399)

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>			
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.842.955.348	-	240.042.275.096	-
Phải thu khách hàng	18.523.077.217	-	15.263.678.786	-
Các khoản phải thu khác	27.037.541.021	-	23.220.764.762	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	96.000.000.000	-	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>257.403.573.586</b>	<b>-</b>	<b>298.526.718.644</b>	<b>-</b>

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.842.955.348	-	115.842.955.348
Phải thu khách hàng	18.523.077.217	-	18.523.077.217
Các khoản phải thu khác	27.037.541.021	-	27.037.541.021
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	96.000.000.000	-	96.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>257.403.573.586</b>	<b>-</b>	<b>257.403.573.586</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.042.275.096	-	240.042.275.096
Phải thu khách hàng	15.263.678.786	-	15.263.678.786
Các khoản phải thu khác	23.220.764.762	-	23.220.764.762
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.000.000.000	-	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>298.526.718.644</b>	<b>-</b>	<b>298.526.718.644</b>

Thời gian quá hạn của phải thu khách hàng và phải thu khác đầu năm đã quá hạn nhưng không giảm giá là quá hạn dưới 06 tháng.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	135.717.432	-	135.717.432
Phải trả người bán	20.001.723.289	-	20.001.723.289
Các khoản phải trả khác	258.995.120	-	258.995.120
<b>Cộng</b>	<b>20.396.435.841</b>	<b>-</b>	<b>20.396.435.841</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	1.899.430.879	-	1.899.430.879
Phải trả người bán	26.764.938.971	-	26.764.938.971
Các khoản phải trả khác	438.968.089	-	438.968.089
<b>Cộng</b>	<b>29.103.337.939</b>	<b>-</b>	<b>29.103.337.939</b>



Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 10 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất thị trường đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

#### ***Rủi ro về giá nguyên vật liệu***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### ***Tài sản đảm bảo***

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


### **6. Thông tin khác**

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ tháng 7 năm 2011.

Hiện tại theo Chi thị 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét việc hỏi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến 20 tháng 01 năm 2014, trong khoảng thời gian Ủy ban thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó Công ty chưa ghi nhận phí cấp quyền khai thác trong khoảng thời gian này.

Biên Hòa, ngày 12 tháng 01 năm 2018



  
 Nguyễn Ngọc Mai Phương  
 Người lập biểu

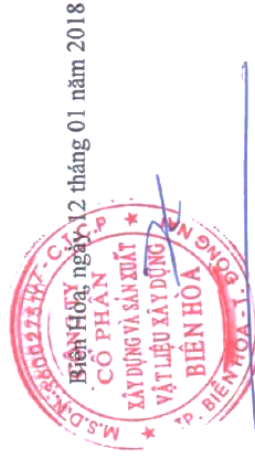
  
 Phạm Quốc Thái  
 Kế toán trưởng

  
 Huỳnh Kim Vũ  
 Giám đốc

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	450.000.000.000	7.070.787.461	-	-	-	457.070.787.461
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(764.370.000)	-	-	(764.370.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	183.844.669.906	183.844.669.906
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	27.576.700.486	(79.668.922.186)	(52.092.221.700)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>7.070.787.461</b>	<b>(764.370.000)</b>	<b>27.576.700.486</b>	<b>104.175.747.720</b>	<b>588.058.865.667</b>
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	7.070.787.461	(764.370.000)	27.576.700.486	104.175.747.720	588.058.865.667
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(552.330.000)	-	-	(552.330.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	149.015.176.256	149.015.176.256
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	22.352.276.438	(63.993.246.282)	(41.640.969.844)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(157.295.100.000)	(157.295.100.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>7.070.787.461</b>	<b>(1.316.700.000)</b>	<b>49.928.976.924</b>	<b>31.902.577.694</b>	<b>537.585.642.079</b>

Số đầu năm trước  
 Mua lại cổ phiếu đã phát hành  
 Lợi nhuận trong năm trước  
 Trích lập các quỹ năm trước  
**Số dư cuối năm trước**

Số dư đầu năm nay  
 Mua lại cổ phiếu đã phát hành  
 Lợi nhuận trong năm nay  
 Trích lập các quỹ trong năm  
 Chia cổ tức, lợi nhuận  
**Số dư cuối kỳ này**



*(Handwritten signature)*

Phạm Quốc Thái  
 Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ  
 Giám đốc



Biên Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



*Huỳnh Kim Vũ*